

**NHÌN LẠI 10 NĂM THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 24/NQ-TW NGÀY  
13/3/2003 VỀ CÔNG TÁC DÂN TỘC VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG**  
**10 YEARS OF THE IMPLEMENTATION OF RESOLUTION No. 24/NQ-TW  
DATED ON MARCH 13, 2003 ON ETHNIC AFFAIRS IN MEKONG RIVER DELTA REGION**

Bạch Thanh Sang<sup>1</sup>

**Tóm tắt**

*Nghị quyết số 24/NQ-TW ngày 13/3/2003 của Ban Chấp hành Trung ương khóa IX tại Hội nghị lần thứ VII về Công tác dân tộc vùng Đồng bằng sông Cửu Long là văn kiện quan trọng nhằm định hướng công tác dân tộc cũng như giải quyết những vấn đề của cách mạng trong bối cảnh đất nước đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Nghị quyết đã xác định mục tiêu; hoạch định, xây dựng chính sách; tổ chức thực hiện chính sách mới về công tác dân tộc. Đây là những yêu cầu quan trọng nhằm tạo sự chuyển biến sâu sắc về công tác dân tộc trong giai đoạn phát triển của đất nước. Bài viết trình bày khái quát một số kết quả đã đạt được sau 10 năm đưa Nghị quyết vào cuộc sống vùng đồng bào dân tộc thiểu số khu vực Tây Nam Bộ, đồng thời đề xuất một số vấn đề góp phần giữ vững định hướng, mục tiêu và giải pháp nhằm tiếp tục thực hiện thắng lợi Nghị quyết này.*

*Từ khóa: Nghị quyết 24, công tác dân tộc, đồng bào dân tộc thiểu số, Tây Nam Bộ.*

**Abstract**

*Resolution No. 24/NQ-TW dated on March 13, 2003 of the Central Executive Committee of the ninth Session at the seventh Conference of the national work in the Mekong Delta is an important document to guide ethnic affairs and solve revolutionary issues in the context of promoting industrialization, modernization and international integration of the country. Resolution has defined objectives; plan policy; implement new policies on ethnic affairs. These are important requirements in order to make a profound change in the ethnic affairs in the developmental stage of the country. This article is to present the achieved results after 10 years of bringing the resolution to life of the ethnic minority in the South-West region and propose a number of issues in order to hold orientation, objectives and measures to successfully consecutive implementation of this resolution.*

*Keywords: Resolution 24, ethnic affairs, ethnic minorities, the South-West.*

**1. Đề dẫn**

Nước Việt Nam gồm 54 tộc người, có truyền thống đoàn kết, đấu tranh trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước. Mỗi tộc người có những đặc điểm và bản sắc văn hóa riêng góp phần làm phong phú, đa dạng bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam. Riêng vùng Tây Nam Bộ gồm 4 tộc người chủ yếu (Kinh, Khmer, Hoa và Chăm) sống đan xen trên địa bàn 13 tỉnh, thành phố. Tây Nam Bộ là vùng đất giàu tiềm năng, nhiều nguồn lực phát triển về kinh tế, văn hóa, xã hội; là địa bàn chiến lược về quốc phòng, an ninh. Theo số liệu điều tra dân số năm 2009, toàn vùng có 17.447.266 người, chiếm khoảng 21% so với dân số cả nước. Trong đó, dân tộc Kinh có 16.036.217 người, chiếm tỷ lệ 91,91%; dân tộc thiểu số có 1.411.049 người, chiếm tỷ lệ 8,09% (*Dân tộc thiểu số bao gồm: dân tộc Khmer có 1.200.369 người, chiếm tỷ lệ*

*6,88%; dân tộc Hoa có 192.435 người, chiếm tỷ lệ 1,1%; dân tộc Chăm có 14.982 người, chiếm tỷ lệ 0,08%; dân tộc thiểu số khác có 3.263 người, chiếm tỷ lệ rất thấp so với dân số toàn vùng*) (Ban Chỉ đạo Tây Nam Bộ. 2014a, tr.1).

Các tộc người vùng Tây Nam Bộ có truyền thống đoàn kết tốt đẹp từ lâu đời, sinh sống đan xen với nhau là điều kiện thuận lợi để giúp nhau cùng phát triển. Tuy nhiên, mỗi dân tộc có kết cấu xã hội phù hợp với phong tục, tập quán, tín ngưỡng, tôn giáo khác nhau, điển hình như người Khmer sinh sống theo phum sóc, phần lớn quy tụ xung quanh ngôi chùa Phật giáo Nam tông; người Hoa sinh sống đan xen với các dân tộc trên địa bàn gắn với các khu thương mại, ngôi chùa thờ ông Bổn, Quan Thế Âm Bồ Tát...; người Chăm (*chủ yếu ở An Giang*) sinh sống thành các quần cư gắn liền với thánh đường Hồi giáo (Islam). Mỗi quan hệ trên, một mặt đã góp phần trong việc giữ gìn và

<sup>1</sup> Thạc sĩ, Vụ Dân tộc-Tôn giáo, Ban Chỉ đạo Tây Nam Bộ

phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, giá trị tốt đẹp của tôn giáo. Mặt khác, chính những yếu tố này tiềm ẩn những vấn đề phức tạp liên quan đến mỗi tộc người cần được quan tâm.

Trải qua công cuộc khai phá, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, các tộc người vùng Tây Nam Bộ có truyền thống đoàn kết, một lòng một dạ đi theo Đảng và Bác Hồ. Đồng thời, đây cũng là hai tộc người giàu bản sắc, có trình độ phát triển khá trên nhiều lĩnh vực. Trước sự tác động mạnh mẽ của nền văn hóa hiện đại, người Khmer, Chăm luôn lo sợ bản sắc văn hóa của dân tộc mình bị lu mờ và mai một.

Cả người Khmer và Chăm đều có yếu tố dân tộc gắn liền với yếu tố tôn giáo không thể tách rời, cụ thể là: Phật giáo Nam tông đồng hành, gắn liền với người Khmer; Hồi giáo (Islam) đồng hành, gắn liền với người Chăm. Qua đó, các thế lực thù địch, các hội nhóm, các tổ chức phản động trong người Khmer, người Chăm lưu vong ở nước ngoài luôn khơi gợi vấn đề lịch sử, tranh thủ những hạn chế tồn tại trong việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với đồng bào Khmer và Chăm; lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo, dân chủ, nhân quyền để kích động chống phá chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc của Đảng và Nhà nước.

Tóm lại, về góc độ xã hội, đây là vùng dân cư hỗn hợp với nhiều thành phần có nguồn gốc lịch sử khác nhau; vùng có nhiều nét văn hóa và hình thức tín ngưỡng, tôn giáo khác nhau, hội tụ nhiều phong tục tập quán quện chặt với truyền thống, văn hóa dân tộc. Mỗi dân tộc thiểu số vùng Tây Nam Bộ đều có bản sắc văn hóa riêng. Một trong những đặc điểm đáng quan tâm là: từng dân tộc thiểu số trong vùng đều có mối quan hệ với nhân dân các nước láng giềng trên nhiều lĩnh vực: người Khmer có mối quan hệ truyền thống với người Khmer ở Campuchia từ lâu đời, chủ yếu về mặt văn hóa, ngôn ngữ, chữ viết, tôn giáo bởi yếu tố đồng tộc, đồng tôn; người Hoa có mối quan hệ với người Hoa ở các nước trên thế giới về mặt văn hóa, ngôn ngữ, chữ viết, tôn giáo, kinh tế,... thông qua các tổ chức hội đoàn bởi yếu tố đồng tộc, đồng tôn; người Chăm có quan hệ với người Chăm ở Campuchia và cộng đồng người theo Hồi giáo trên thế giới, nhất là Malaysia, Indonesia bởi yếu tố đồng tôn. Các mối quan hệ đó, bên cạnh mặt tích cực cũng nổi lên những vấn đề cần được quan tâm nhằm phát huy yếu tố tích cực, đồng thời khắc phục, giải quyết

những bất cập, tồn tại. Do tính đặc thù riêng của mỗi tộc người vùng Tây Nam Bộ nên Ban Bí thư và Thủ tướng Chính phủ đã có chủ trương, chính sách riêng cho từng dân tộc, cụ thể như:

Đối với người Khmer, ngày 18/4/1991, Ban Bí thư ban hành Chỉ thị số 68-CT/TW về công tác ở vùng đồng bào dân tộc Khmer và Thông báo số 67-TB/TW ngày 14/3/2007 của Ban Bí thư TW Đảng về việc tiếp tục thực hiện chỉ thị 68/CT/TW của Ban Bí thư TW Đảng về công tác ở vùng đồng bào Khmer.

Đối với người Chăm, năm 1991, Ban Bí thư ban hành Thông tri số 03-TTr/TW về công tác trong vùng đồng bào dân tộc Chăm; ngày 18/02/2004, Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 06/2004/CT-TTg về tiếp tục đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh - trật tự đối với đồng bào Chăm trong tình hình mới.

Đối với người Hoa, ngày 8/11/1995, Ban Bí thư ban hành Chỉ thị số 62-CT/TW về tăng cường công tác đối với người Hoa trong tình hình mới; ngày 03/8/1996, Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 501/1996/CT-TTg về thực hiện một số chính sách đối với người Hoa.

Nội dung các Chỉ thị, Thông tri trên đã đi vào cuộc sống, tạo sự chuyển biến tích cực trong vùng đồng bào dân tộc, từng bước hòa nhập vào xu thế phát triển chung của đất nước. Đến năm 2003, tại Hội nghị lần thứ VII, Ban Chấp hành Trung ương khóa IX ban hành Nghị quyết số 24/NQ-TW về Công tác dân tộc, đây là văn kiện quan trọng nhằm định hướng công tác dân tộc cũng như giải quyết những vấn đề của cách mạng trong bối cảnh đất nước đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Nghị quyết đã đưa ra mục tiêu; hoạch định, xây dựng chính sách; tổ chức thực hiện chính sách, cụ thể như:

*Về mục tiêu:* tập trung vào bốn nội dung cơ bản: phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo, nâng cao đời sống các đồng bào dân tộc mà trọng điểm là vùng sâu, vùng xa, vùng căn cứ cách mạng, vùng đặt biệt khó khăn; nâng cao trình độ dân trí, chăm sóc sức khỏe, nâng cao mức hưởng thụ của đồng bào; củng cố hệ thống chính trị vùng đồng bào dân tộc, xây dựng đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số; xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, giữ vững an ninh, chủ quyền biên giới quốc gia.

*Về hoạch định, xây dựng chính sách:* Nghị quyết yêu cầu “Xác định các mục tiêu chính sách

cụ thể. Tập trung rà soát, đánh giá lại các hệ thống chính sách hiện hành để đảm bảo thực thi có hiệu quả hơn, thúc đẩy nhanh sự phát triển vùng đồng bào dân tộc, xóa đói giảm nghèo nhằm từng bước thu hẹp dần khoảng cách phát triển của từng vùng, miền, các nhóm dân tộc, bảo đảm sự phát triển hài hòa và bình đẳng giữa các dân tộc”.(Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh. 2014. tr:179-180)

*Về tổ chức thực hiện chính sách:* cần tăng cường nhận thức của tất cả các ngành, các cấp, tạo nên sự nhận thức chung về vị trí, vai trò của chính sách dân tộc trong hệ thống chính sách phát triển quốc gia, sự ủng hộ, đồng thuận xã hội đối với việc thực hiện chính sách dân tộc. Thực hiện đúng quy trình, các bước, các khâu quản lý trong xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách. Gắn quá trình thực hiện với nâng cao năng lực của hệ thống chính quyền cơ sở và người dân. Đổi mới và tăng cường công tác kiểm tra, giám sát thực thi chính sách. Gắn phát triển kinh tế với phát triển nguồn nhân lực và xây dựng thể chế nhằm tạo nền tảng phát triển bền vững.

*“Thực hiện tốt chính sách bình đẳng, đoàn kết, tương trợ nhau cùng phát triển trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam; chống kỳ thị, hẹp hòi, chia rẽ dân tộc. Tập trung phát triển kinh tế, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần; xóa đói giảm nghèo, nâng cao trình độ dân trí, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa, tiếng nói, chữ viết và truyền thống của các dân tộc và đẩy mạnh việc dạy và học tiếng dân tộc”*<sup>2</sup> Đây là những yêu cầu và mục tiêu quan trọng nhằm tạo ra sự chuyển biến đáng kể, sâu sắc trong công tác dân tộc và thực hiện chính sách dân tộc trong giai đoạn phát triển mới của đất nước. Bài viết góp phần đánh giá khái quát kết quả thực hiện công tác dân tộc vùng Đồng bằng sông Cửu Long sau 10 năm đưa Nghị quyết 24/NQ-TW vào cuộc sống.

## 2. Thực trạng, bài học kinh nghiệm và giải pháp

Hầu hết đồng bào Khmer sinh sống ở vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn. Trong khoảng 500 xã có đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống, có 321 xã khó khăn, 163 xã đặc biệt khó khăn (năm 1998), 201 xã đặc biệt khó khăn (năm 2005), 103 xã đặc biệt khó khăn và 410 thôn đặc

biệt khó khăn (năm 2012)<sup>3</sup>. Đây là địa bàn có điểm xuất phát thấp, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội có nhiều mặt còn yếu kém, là nguyên nhân khách quan làm cho kinh tế - xã hội trong vùng đồng bào dân tộc chậm phát triển. Hơn nữa, hầu hết đồng bào dân tộc sinh sống chủ yếu bằng nghề nông, trong thực tế đây là ngành nghề có nhiều rủi ro cao, giá cả chưa ổn định. Điều này lý giải tại sao đời sống vật chất của một bộ phận đồng bào dân tộc thiểu số luôn gặp khó khăn trong thời gian dài.

Trong những năm gần đây, cùng với việc đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội vùng Tây Nam Bộ, các bộ, ngành và địa phương còn triển khai thực hiện có hiệu quả chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước bằng các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, chính sách phát triển văn hóa, giáo dục, đào tạo, chăm sóc sức khỏe, chính sách an sinh xã hội, các dự án xóa đói giảm nghèo,... Qua đó, các chính sách góp phần tạo sự chuyển biến tích cực trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số được đầu tư như giao thông, trường học, thủy lợi, trạm y tế, điện thấp sáng, trạm cấp nước,... từ nhiều nguồn lực, trong đó có Chương trình 135; chính sách hỗ trợ đời sống, sinh hoạt bao gồm hỗ trợ nhà ở, đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt, điện thấp sáng, vốn vay phát triển sản xuất, định canh, định cư,... đã và đang phát huy tác dụng; các trang trại, nông trại, khu công nghiệp, cơ sở kinh doanh, dịch vụ đã và đang phát triển, thu hút đông đảo đồng bào dân tộc thiểu số tham gia lao động.

Song song đó, các địa phương còn tích cực đào tạo nghề, giải quyết việc làm, xuất khẩu lao động, từng bước giải quyết tình trạng thất nghiệp, nông nhàn, góp phần đáng kể trong việc chuyển dịch cơ cấu lao động trong vùng đồng bào. Các tỉnh, thành phố trong vùng đều xây dựng và triển khai thực hiện đề án giảm nghèo bền vững. Kết quả là: (1) giai đoạn 2001 - 2005 giảm được 12.371 hộ Khmer nghèo, giảm từ 73.079 hộ của đầu giai đoạn xuống còn 60.708 hộ vào cuối giai đoạn, trung bình mỗi năm giảm được 1,2% hộ nghèo; (2) giai đoạn 2006 - 2010 giảm được 42.352 hộ Khmer nghèo, giảm từ 103.170 hộ của đầu giai đoạn xuống còn 60.818 hộ vào cuối giai đoạn, trung bình mỗi năm giảm được 3,42%; (3) từ năm 2011 đến năm 2014, mỗi

<sup>3</sup> Xem: Quyết định số 21/1998/QĐ-UB ngày 25/2/1998, Quyết định số 135/1998/QĐ-TTg ngày 31/7/1998), Quyết định số 393/2005/QĐ-UBND ngày 29/8/2005 và Quyết định số 30/2012/QĐ-TTg ngày 18/7/2012

<sup>2</sup> Nghị quyết Hội nghị lần thứ Bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về Công tác dân tộc

năm giảm được khoảng từ 2-3% hộ dân tộc thiểu số nghèo, góp phần cải thiện, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào (Ban Chỉ đạo Tây Nam Bộ. 2014a, tr.7).

Trình độ dân trí của đồng bào dân tộc thiểu số có bước phát triển đáng kể, số lượng học sinh, sinh viên tăng dần hằng năm. Theo số liệu điều tra ban đầu ngày 1/4/1999, tổng số 948.161 người Khmer từ 5 tuổi trở lên, có 29,80% chưa từng đi học, trong khi cả nước chỉ có 9,97% (tỷ lệ so với dân số chung) (Phạm Thị Phương Hạnh. 2012, tr.11). Nhưng đến năm 2013, tại Hội nghị sơ kết 6 tháng đầu năm của Ban Chỉ đạo Tây Nam Bộ, Ủy ban Dân tộc báo cáo kết quả thực hiện Chỉ thị số 68 tại Hội nghị. Theo đó, lực lượng cán bộ, đảng viên là dân tộc Khmer được quan tâm bồi dưỡng, quy hoạch, bố trí phù hợp với năng lực. Công tác tạo nguồn cốt cán người dân tộc Khmer được quan tâm. Số lượng học sinh, sinh viên dân tộc hằng năm đều tăng. Năm 2009 - 2010: 207.666 học sinh, 2010 - 2011: 210.708 học sinh, 2011 - 2012: 212.908 học sinh và 2012 - 2013: trên 219.000 học sinh các cấp (*chủ yếu là học sinh dân tộc Khmer*); trên 2.500 sinh viên dân tộc Khmer (*năm 2012 - 2013, tại Đại học Cần Thơ: 1.686 sinh viên, tăng 333 sinh viên; Trường Đại học Y Dược Cần Thơ: 578 sinh viên, tăng 87 sinh viên so với năm học trước*); học sinh dự bị đại học, cử tuyển tại Trường Dự bị Đại học Thành phố Hồ Chí Minh, năm 2012: 425, năm 2013: 327; năm 2013, Khoa Dự bị Dân tộc - Trường Đại học Cần Thơ đã tuyển và đào tạo 260 sinh viên cho các ngành; đội ngũ giáo viên Khmer là 7.652 người, từng bước đạt chuẩn, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Riêng hệ thống Trường Phổ thông Dân tộc Nội trú và Trường Bán trú, hiện có 31 trường gồm: 09 Trường Phổ thông Dân tộc Nội trú cấp tỉnh, 19 trường cấp huyện và 03 Trường Phổ thông Dân tộc Bán trú, với tổng số trên 8.300 học sinh, tăng gần 500 học sinh so với năm học trước; chất lượng dạy và học từng bước được nâng lên, tỷ lệ đỗ tốt nghiệp Trung học Phổ thông các năm cao, bình quân đạt 99,16%, tăng 0,04% so với năm 2012<sup>4</sup>. Số cán bộ Khmer được đào tạo Sau Đại học tăng so với trước đây, hiện có 06 tiến sĩ, trên 50 thạc sĩ (*chủ yếu công tác trong ngành giáo dục*); chương trình, sách giáo khoa (*Giáo trình giảng dạy chữ Khmer đến chương trình 7*) phục vụ dạy và học chữ Khmer được quan

tâm, chính sách ưu đãi đối với giáo viên (*kể cả nhà sư*) dạy chữ dân tộc ở các điểm chùa luôn được duy trì. Số học sinh được cử tuyển ngày càng tăng, bình quân mỗi năm có gần 500 em được đào tạo.

Đến cuối năm 2014, theo báo cáo của Vụ Địa phương 3 - Ủy ban Dân tộc, tỷ lệ huy động trẻ em dân tộc thiểu số trong độ tuổi đến trường năm học 2014 - 2015 đạt khá cao, cụ thể nhà trẻ: khoảng 50%, mẫu giáo: khoảng 70%, trẻ 05 tuổi vào mẫu giáo đạt trên 96%, tiểu học đạt 100%; trung học cơ sở đạt trên 95%, trung học phổ thông khoảng 70%. Chất lượng dạy và học được nâng cao, tỷ lệ đỗ tốt nghiệp THPT năm 2014 đạt 100% (tăng 0,84% so với năm 2013); tỷ lệ thí sinh trúng tuyển đại học, cao đẳng năm 2014 đạt khá cao, nhiều trường đạt trên 50%.

Phong tục tập quán, lễ hội, tết truyền thống của đồng bào dân tộc được giữ gìn và phát huy. Cụ thể, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận “*Lễ hội Ok Om Bok của người Khmer tỉnh Trà Vinh*” và “*Nghệ thuật sân khấu Dù Kê của người Khmer tỉnh Sóc Trăng*” là di sản văn hóa phi vật thể cấp quốc gia (2014). Đến nay, cùng với loại hình “*Nghệ thuật Châm riêng Chà pây*” đồng bào dân tộc Khmer đã có ba loại hình được công nhận di sản văn hóa phi vật thể cấp quốc gia, 6 lần tổ chức Ngày hội Văn hóa, Thể thao và Du lịch đồng bào Khmer Nam Bộ, Hội Nghệ sĩ Sân khấu Việt Nam phối hợp với Ban Chỉ đạo Tây Nam Bộ lần đầu tiên tổ chức Liên hoan Nghệ thuật Sân khấu Dù Kê (năm 2013). Đây là điều kiện để bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc trong sự thống nhất và đa dạng của nền văn hóa Việt Nam (*định kỳ 2 hoặc 3 năm tổ chức 1 lần*). Việc dạy và học ngôn ngữ các dân tộc Khmer, Chăm, Hoa được tiếp tục duy trì thực hiện tại các Trường Tiểu học và Trung học Cơ sở, Phổ thông DTNT, các điểm chùa Khmer và Thánh đường Chăm (An Giang) trong dịp hè, các cơ sở dân lập của người Hoa. Nhiều địa phương tiếp tục duy trì thực hiện tốt chính sách đối với giáo viên (*kể cả nhà sư*) dạy chữ Khmer ở các điểm chùa. Ngoài ra, các tỉnh, thành phố có đồng bào Khmer hằng năm đều tổ chức Ngày hội Văn hóa, Thể thao dân tộc Khmer hoặc Liên hoan Nghệ thuật quần chúng dân tộc Khmer, Chăm cấp tỉnh, cấp huyện; đã 2 lần tổ chức thành công Đại hội Đại biểu các dân tộc thiểu số. Hằng năm, một số tỉnh như Sóc Trăng, Trà Vinh, Kiên Giang tổ chức Lễ hội Ok Om Bok với quy mô lớn, trở thành ngày hội chung của đồng bào Khmer.

<sup>4</sup> Trường Trung học Phổ thông Dân tộc Nội trú Huỳnh Cương, Sóc Trăng có 02 em đỗ Thủ khoa trong 02 năm học liên tiếp.

Đặc biệt, đua Ghe Ngo được tổ chức thi đấu hằng năm nhân dịp lễ hội Ok Om Bok đã trở thành môn thể thao cấp quốc gia và được nâng thành Festival Đua Ghe Ngo (2012). Các chương trình y tế được triển khai đồng bộ, chất lượng khám chữa bệnh ngày càng được nâng lên. Công tác tuyên truyền phòng, chống dịch bệnh được đẩy mạnh, người nghèo nói chung, trong đó có người nghèo dân tộc thiểu số được cấp thẻ bảo hiểm y tế.

Hệ thống chính trị cơ sở vùng dân tộc thiểu số được củng cố kiện toàn, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số tăng dần hằng năm về số lượng và chất lượng, năm 2006: 7.100 đảng viên<sup>5</sup>, năm 2008: 8.133 đảng viên<sup>6</sup>, năm 2011: 14.438 đảng viên<sup>7</sup>, năm 2013: 15.347 đảng viên, chiếm 3,09% trong tổng số đảng viên toàn vùng (495.979 đảng viên) (Học viện Chính trị Quốc gia HCM. 2014, tr.352); đến nay, toàn vùng có 8.317 tổ chức cơ sở Đảng, với 512.504 đảng viên (trong đó có 147.114 nữ, 18.917 là người dân tộc thiểu số; trong năm đã kết nạp mới được 30.271

<sup>5</sup> Theo số liệu trong báo cáo số 03 ngày 11/10/2006 của Ban Dân vận Trung ương “Tổng kết việc tổ chức thực hiện Chi thị 68-CT-TW ngày 18/4/1991 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (Khóa 6) về công tác ở vùng đồng bào dân tộc Khmer”, toàn vùng có 7.100 đảng viên Khmer, tăng 3,34 lần so năm 1991, chiếm 0,60 % dân số Khmer trong vùng (tổng số đảng viên trong vùng 252.171 đảng viên, chiếm 1,48% dân số trong vùng). Đội ngũ cán bộ Khmer được quan tâm đào tạo, bổ nhiệm giữ các chức vụ quan trọng ở các cấp. Đại hội Đảng bộ nhiệm kỳ 2001-2005, cán bộ Khmer được bầu vào cấp ủy các cấp 853 đồng chí, tăng 360 đồng chí so nhiệm kỳ trước, hầu hết số trúng cử đều có số phiếu tín nhiệm cao. Toàn vùng đến cuối năm 2005 có 01 Ủy viên Trung ương đảng, 01 Phó Bí thư Tỉnh ủy, 01 Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy, 10 Tỉnh ủy viên (tăng 01), 74 Huyện ủy viên (tăng 11), 767 Đảng ủy viên (tăng 274); 10 Đại biểu Quốc hội khóa XI, 42 Đại biểu HĐND cấp tỉnh, 205 Đại biểu HĐND cấp huyện, 2.042 Đại biểu HĐND cấp xã; 29 Trường, Phó ngành tỉnh (không TUV), 336 Trường, Phó Ngành huyện (không HUV).v.v...

<sup>6</sup> Ngày 25/1/2008 tại Thành phố Cần Thơ, đồng chí Nguyễn Sinh Hùng - Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ chủ trì Hội nghị chuyên đề về công tác xây dựng hệ thống chính trị ở vùng đồng bào Khmer. Hội nghị đã chỉ ra những kết quả đạt được và những hạn chế trong xây dựng hệ thống chính trị ở vùng đồng bào Khmer, trong đó có nhấn mạnh đến vấn đề xây dựng cán bộ cốt cán người dân tộc Khmer. Hội nghị nhận định: “Cấp ủy và các cấp chính quyền các tỉnh, thành trong vùng đã quan tâm đến công tác quy hoạch cán bộ dân tộc. Một số địa phương như Sóc Trăng, Trà Vinh có Nghị quyết, Chỉ thị về công tác quy hoạch, đào tạo cán bộ, công tác phát triển đảng viên là người dân tộc Khmer. Đội ngũ cán bộ dân tộc Khmer được quan tâm đào tạo, bổ nhiệm. Đến cuối năm 2006, toàn vùng có 8.133 đảng viên là người dân tộc Khmer, tăng 3,34 lần so với năm 1991; 10.907 cán bộ công chức là người dân tộc Khmer, nhiều đồng chí giữ trọng trách trong các cơ quan của Đảng, Nhà nước, lực lượng vũ trang ở Trung ương và địa phương. Số đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp là người Khmer tăng nhanh như Trà Vinh 785 đại biểu (chiếm 25,3%), Sóc Trăng 520 đại biểu (chiếm 19%), Kiên Giang 433 đại biểu (chiếm 10,3%).

<sup>7</sup> Tính đến cuối năm 2011, theo tổng hợp số liệu của các tỉnh, thành phố vùng Tây Nam Bộ, số lượng đảng viên dân tộc thiểu số là 14.438 đảng viên, chiếm tỷ lệ 3,46% so với tổng số đảng viên toàn vùng, trong khi đồng bào dân tộc thiểu số chiếm tỷ lệ 8,09% so với dân số toàn vùng.

đảng viên) (Ban Chỉ đạo Tây Nam Bộ 2014b).

Đối với Phật giáo Nam tông Khmer, Đảng và Nhà nước luôn quan tâm đặc biệt đến đời sống và sinh hoạt đạo của đồng bào theo hệ phái Phật giáo Nam tông Khmer. Sau chuyến khảo sát và thấy được những khó khăn nhất định về đời sống kinh tế trong Phật giáo Nam tông Khmer, Ban Tôn giáo Chính phủ đã trình Thủ tướng Chính phủ 7 điểm nhằm hỗ trợ Phật giáo Nam tông Khmer, trong đó chú trọng đến khâu tu học của sư sãi và giúp đỡ tín đồ. “Ban Tôn giáo Chính phủ đã giúp in 80 đầu Kinh sách bằng chữ Khmer với 383.388 cuốn và trao tặng cho 14 Tỉnh, Thành hội có Phật giáo Nam tông Khmer. Khâu thứ hai là hỗ trợ việc hình thành các trường lớp, tạo điều kiện giúp cho việc tu học của chư tăng và tín đồ Phật tử ngày càng tốt hơn (Giáo hội Phật giáo Việt Nam. 2013. tr.40). “Các phần còn lại trong 7 điểm cũng đã từng bước tổ chức thực hiện như khắc khuôn dấu mới cho 430 cơ sở chùa, công nhận 452 Ban Quản trị chùa Phật giáo Nam tông Khmer, đồng thời bổ nhiệm, hợp thức hóa cho 520 vị trụ trì, cấp nhiều chứng điệp thọ giới và 40 chứng nhận tu sĩ cho chư tăng” (Giáo hội Phật giáo Việt Nam. 2013. tr.31). Trong những năm gần đây, cùng với sự trưởng thành của Giáo hội Phật giáo Việt Nam, đặc biệt ở lĩnh vực giáo dục, Ban Tôn giáo Chính phủ đã trình Thủ tướng và được Thủ tướng quan tâm cho phép thành lập Học viện Phật giáo Nam tông Khmer đặt tại quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ: “Học viện đã sớm đi vào hoạt động đến năm 2011 này đã cấp bằng tốt nghiệp Cử nhân Phật học khóa I (2007 - 2011) cho 58 tăng sinh và khai giảng Khóa II (2011 - 2015) với 30 tăng sinh theo học” (Giáo hội Phật giáo Việt Nam. 2013. tr.36).

Những kết quả đạt được như trên cho thấy Đảng và Nhà nước đã có những chính sách dân tộc đúng đắn và ưu việt, được đồng bào dân tộc thiểu số cả nước đồng tình, ủng hộ, tin tưởng. Được cấp ủy Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể các cấp quán triệt, thực hiện nhất quán xuyên suốt qua các giai đoạn cách mạng. Bên cạnh đó, các dân tộc có truyền thống đoàn kết, giúp nhau cùng phát triển từ lâu đời, đây là yếu tố tiên quyết và quan trọng làm cho mối quan hệ giữa các dân tộc, Đảng, Nhà nước với các dân tộc bền vững lâu dài, góp phần thực hiện thắng lợi chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ta. Tuy nhiên, địa bàn sinh sống của phần lớn đồng bào Khmer, Chăm ở nông thôn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội

khó khăn, đặc biệt khó khăn là áp lực khá lớn đến việc phát triển kinh tế - xã hội; phần lớn đồng bào Khmer, Chăm làm nghề nông, nhưng có ít đất sản xuất dẫn đến dôi dư lao động ngày càng nhiều; tỷ lệ hộ nghèo trong đồng dân tộc thiểu số còn cao<sup>8</sup>. Nhu cầu học chữ dân tộc, học tập những tinh hoa của tôn giáo truyền thống, nhu cầu hưởng thụ văn hóa, văn học, nghệ thuật dân tộc, thông tin truyền thông bằng tiếng và chữ dân tộc ngày càng nhiều, nhưng việc đáp ứng các nhu cầu đó còn nhỏ lẻ; các thể lực thù địch, các tổ chức phản động lưu vong luôn tìm cách chia rẽ dân tộc, ảnh hưởng nhất định đến tình hình an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

Nhìn chung, quá trình thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước của cả nước nói chung, vùng Tây Nam Bộ nói riêng đã đạt được nhiều thành tựu to lớn và có ý nghĩa quan trọng. Kinh tế phát triển, cơ sở hạ tầng trong vùng được tập trung đầu tư, nhiều công trình đã hoàn thành đưa vào sử dụng góp phần phát triển kinh tế - xã hội. Thu nhập và đời sống của người dân nói chung, trong đó có đồng bào các dân tộc không ngừng được cải thiện, nâng cao. Nhiều chính sách an sinh xã hội được ban hành và tổ chức thực hiện đạt nhiều kết quả đáng kể. Các vấn đề xã hội, bức xúc được tập trung giải quyết có hiệu quả, góp phần to lớn trong việc xóa đói giảm nghèo, nâng cao đời sống. Tình hình an ninh, chính trị, trật tự, an toàn xã hội được giữ vững. Hệ thống chính trị được củng cố, kiện toàn. Văn hóa tiếp tục phát triển đúng hướng, công tác bảo tồn và phát triển các di sản văn hóa dân tộc thiểu số được quan tâm.

Qua những thành tựu đạt được trong 10 năm thực hiện Nghị quyết 24, các địa phương vùng Tây Nam Bộ cần rút ra bài học kinh nghiệm thực tiễn về thực hiện chính sách dân tộc.

*Thứ nhất*, bài học về sự quan tâm sâu sát của cấp ủy Đảng, chính quyền đối với công tác dân tộc, thực tiễn cho thấy địa phương nào quan tâm đúng mức đến công tác dân tộc thì việc thực hiện chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước tại địa phương đó có hiệu quả thiết thực.

*Thứ hai*, việc sử dụng đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số với số lượng và chất lượng thích hợp, sắp xếp, bố trí hợp lý ở các cơ quan, đoàn thể các cấp

<sup>8</sup> Theo báo cáo số 155, ngày 12/02/2014 của Ban Chỉ đạo Tây Nam Bộ, tính đến cuối năm 2013, còn 25% hộ nghèo dân tộc so với tổng số hộ dân tộc thiểu số, trong khi tỷ lệ hộ nghèo chung toàn vùng Tây Nam Bộ là 7,24%

trong hệ thống chính trị thì công tác dân tộc và việc thực hiện chính sách dân tộc sẽ đi vào trọng tâm cả chiều rộng lẫn chiều sâu.

*Thứ ba*, chỉ khi thực hiện đồng bộ các chính sách thì mới đủ sức vực dậy và phát huy được tiềm năng, đáp ứng được yêu cầu đặt ra cũng như nhu cầu thực sự của đồng bào, tránh hỗ trợ, đầu tư nhỏ giọt, dàn trải.

*Thứ tư*, tăng cường công tác vận động quần chúng, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, thường xuyên kích lệ, động viên tinh thần, tuyên dương nhân tố tích cực, đề cao giá trị văn hóa, lịch sử, truyền thống của các dân tộc để tạo được sự đồng thuận, ủng hộ từ phía đồng bào, nâng cao niềm tin của đồng bào đối với Đảng, Nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa, phát huy khối đại đoàn kết toàn dân tộc, đồng thời có tác dụng phản tuyên truyền trước luận điệu xuyên tạc của các thể lực thù địch.

*Thứ năm*, lắng nghe, tiếp thu ý kiến đóng góp của đội ngũ cán bộ, trí thức, người dân tộc thiểu số có uy tín là cơ sở sát thực để lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện đúng hướng, đạt mục đích, yêu cầu.

Thế nhưng, quá trình thực hiện Nghị quyết cũng không tránh khỏi những khuyết điểm. Để khắc phục những hạn chế trong quá trình đưa Nghị quyết vào cuộc sống, các địa phương cần có những định hướng, mục tiêu và giải pháp cụ thể đối với công tác dân tộc, chúng tôi xin mạnh dạn đề xuất một số ý kiến như sau:

*Về định hướng*: tạo mọi điều kiện tốt nhất theo đúng quan điểm, chủ trương của Đảng, khung pháp lý của Nhà nước và các chính sách hiện hành để giúp đồng bào dân tộc thiểu số vùng Tây Nam Bộ có nhiều cơ hội hơn nữa hòa nhập vào xu thế phát triển của đất nước và hội nhập quốc tế.

*Về mục tiêu*: từng bước rút ngắn khoảng cách chênh lệch giữa nông thôn và thành thị, giữa xã, thôn khó khăn, đặc biệt khó khăn và xã, thôn có điều kiện kinh tế - xã hội phát triển; tạo nguồn nhân lực, đào tạo nghề, giải quyết việc làm, xuất khẩu lao động; giảm nghèo bền vững, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất; giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc; ổn định và đảm bảo quốc phòng - an ninh.

*Về giải pháp*: với nguyên tắc cơ bản của chính sách dân tộc đã được Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh xác định nay đã được bổ sung đầy đủ tại Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ

XI của Đảng (2011) là: “*bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển*”. Từng địa phương cần xây dựng đề án khung với lộ trình, bước đi cụ thể về việc sử dụng người lao động, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số tương ứng với tỷ lệ dân số của từng dân tộc (*trong đó, quy định rõ chỉ tiêu, số lượng cán bộ, công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số được tham gia trong từng ngành, từng đơn vị, từng địa phương để từng ngành, từng đơn vị, từng địa phương do chủ động tuyển dụng, quy hoạch, đào tạo, cơ cấu thích hợp*). Quy định rõ chỉ tiêu, số lượng cán bộ dân tộc thiểu số được tham gia trong các cấp ủy, được tham gia trong các cơ quan dân cử các cấp tương ứng với tỷ lệ dân số dân tộc thiểu số ở từng đảng bộ, từng địa phương để có hình thức lựa chọn, cơ cấu, bầu cử hoặc bỏ phiếu thích hợp (*trong đó cần có cách thức bầu cử riêng để đạt được số lượng tương ứng với tỷ lệ dân số, nếu bầu cử chung theo quy định hiện hành sẽ khó đạt được chỉ tiêu và số lượng tương ứng đó*).

Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn Tây Nam Bộ tiếp tục chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra các bộ, ngành và địa phương trong vùng đẩy mạnh thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới, tăng cường thực hiện chương trình 135 và các chính sách đặc thù tại các xã khó khăn, đặc biệt khó khăn; chú trọng đào tạo nguồn nhân lực, dạy nghề, chuyển đổi ngành nghề từ nông nghiệp sang ngành nghề phi nông nghiệp; làm tốt công tác giảm nghèo bền vững, hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh bằng các chính sách, dự án hiện hành phù hợp với nhu cầu và đặc điểm tình hình của địa phương; tăng cường công tác vận động quần chúng, tổ chức các cuộc họp mặt tuyên truyền, thăm hỏi nhân dịp lễ, tết...; tạo ra các hoạt động cụ thể nhằm đáp ứng nhu cầu học chữ dân tộc, học tập những tinh hoa của tôn giáo truyền thống, nhu cầu hưởng thụ văn hóa, văn học, nghệ thuật dân tộc, thông tin truyền thông bằng tiếng và chữ dân tộc; khảo sát, kiểm tra việc dạy và học chữ dân tộc theo tinh thần Nghị định số 82/2010/NĐ-CP ngày 15/7/2010 của Chính phủ để có cơ sở đề xuất giải pháp thực hiện tốt hơn<sup>9</sup>.

### 3. Kết luận

Theo tài liệu lịch sử cũng như đối chiếu với quá trình phát triển tộc người cho thấy, cả bốn dân

tộc Khmer, Kinh, Hoa, Chăm đều là các tộc người có trình độ phát triển cao về văn hóa, kinh tế,... Tuy nhiên, hiện nay tại vùng Đồng bằng sông Cửu Long, trình độ dân trí và trình độ phát triển giữa các dân tộc cũng có khoảng cách chênh lệch nhất định xuất phát từ đặc điểm địa bàn cư trú, đặc điểm ngành nghề và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội chưa đồng đều. Nếu được quan tâm, tạo điều kiện hơn nữa, trình độ dân trí và trình độ phát triển giữa các dân tộc sẽ tiến kịp nhau.

Đồng bào dân tộc thiểu số vùng Tây Nam Bộ là một bộ phận không thể tách rời trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam. Trong thời kỳ đổi mới, đặc biệt trong quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập kinh tế quốc tế, cùng với cả nước, các tộc người thiểu số đang đứng trước cơ hội và thách thức mới trong phát triển. Sự nỗ lực vươn lên trong cộng đồng các tộc người thiểu số và những chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước giúp cho đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào được cải thiện, nâng cao rõ rệt. Tuy nhiên, sự vươn lên của đồng bào không đồng đều ở một số địa phương, tỷ lệ hộ nghèo còn cao, trình độ dân trí thấp; việc quan tâm xây dựng hệ thống chính trị chưa đúng mức. Vì vậy, trong thời gian tới, cần đẩy mạnh công tác xóa đói giảm nghèo, đào tạo nghề, giải quyết việc làm nhằm nâng cao đời sống cho đồng bào; nâng cao ý thức và tự hào dân tộc trong đồng bào, nhất là giới trẻ, trí thức trẻ, cán bộ trẻ; nâng cao chất lượng dạy và học chữ dân tộc đáp ứng yêu cầu sử dụng trên nhiều phương diện; tăng cường đào tạo nguồn nhân lực trong đồng bào dân tộc, tiến tới sử dụng nguồn nhân lực là người dân tộc thiểu số tương ứng với tỷ lệ dân số ở từng địa phương (*từ trong hệ thống chính trị đến các cơ sở sử dụng người lao động*); nghiên cứu một số giải pháp đồng bộ và quyết sách kịp thời, phù hợp về giáo dục - đào tạo, chuyển đổi cơ cấu kinh tế, chuyển dịch cơ cấu lao động và việc làm là nhiệm vụ cấp thiết hiện nay, đồng thời chú trọng, tập trung triển khai thực hiện có hiệu quả Thông tư liên tịch số 02/2014/TTLT-BNV-UBDT ngày 11/9/2014, quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành chính sách cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số tại Điều 11 Nghị định 05/2011/NĐ-CP... để thúc đẩy nhanh và vững chắc sự phát triển bền vững cộng đồng các dân tộc thiểu số vùng Tây Nam Bộ.

<sup>9</sup> Vì hiện nay, mặc dù đã bốn năm nhưng việc triển khai Nghị định 82 tại các địa phương còn chậm, một số vấn đề liên quan đến dân tộc Khmer chưa thực hiện được.

**Tài liệu tham khảo**

Ban Chỉ đạo Tây Nam Bộ. 2014. “Gắn phát triển kinh tế với phát triển văn hóa, văn học nghệ thuật trong đồng bào dân tộc Khmer vùng Tây Nam Bộ”, *Tài liệu trao đổi với Hội đồng Lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật Trung ương*, Cần Thơ.

Ban Chỉ đạo Tây Nam Bộ. 2014b. “Báo cáo tổng kết năm 2013 và chương trình công tác năm 2014”. Cần Thơ.

Ban Dân vận Trung ương. 2006. “Báo cáo Tổng kết việc tổ chức thực hiện Chỉ thị 68-CT-TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng (Khóa 6) về công tác ở vùng đồng bào dân tộc Khmer”. Hà Nội.

Bộ Giáo dục và Đào tạo. 2013. “Báo cáo tổng kết năm 2013”. Hà Nội.

Phạm, Thị Phương Hạnh. 2012. *Văn hóa Khmer Nam Bộ: Nét đẹp trong văn hóa Việt Nam*. NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật. Hà Nội.

Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh. 2014. *Kỷ yếu Hội thảo khoa học “Chính sách cán bộ, cốt cán, phát triển nguồn nhân lực, tạo việc làm và đảm bảo an sinh xã hội đối với đồng bào Khmer vùng Tây Nam Bộ”*, TP. Hồ Chí Minh.

Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh. 2014. *10 năm thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy Ban chấp hành Trung ương khóa IX về công tác dân tộc và tôn giáo. Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, NXB Lý luận Chính trị. Hà Nội.

Giáo hội Phật giáo Việt Nam. 2013. *Kỷ yếu Đại hội Đại biểu Phật giáo toàn quốc lần thứ VII, nhiệm kỳ 2012-2017*. NXB Tôn giáo. Hà Nội.